

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

+ Ông Trương Văn C - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Võ Quang H2 - Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 327 đường H3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo pháp luật: ông Trương Văn C - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Quang H2 - Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B (theo Giấy ủy quyền số 238/GUQ-TTPTQĐ ngày 15/5/2023), vắng mặt.

Địa chỉ: 327 đường H3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ trụ sở: Số 15 đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn V, Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn V trình bày:

Diện tích 300 m² và tài sản nhà trên đất tại 190 đường H, phường T, thành phố B (số cũ là 160 đường H) có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị N1 (mẹ ông V) nhận chuyển nhượng của ông Đặng Hoàng L1 được chính quyền địa phương xác nhận ngày 10/4/1981. Tháng 9 năm 2003, bà N1 kê khai và được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận số 4001070587 ngày 10/9/2003, diện tích 83,60 m², thấp hơn nhiều so với hạn mức đất ở đô thị mà Luật Đất đai 1993 và luật sửa đổi bổ sung năm 2003 mà không có được sự giải thích của cơ quan cấp giấy lúc bấy giờ. Cụ thể phần đất còn lại là 52m² (trong đó có 19.3 m² bị thu hồi) nằm trong hạn mức nhưng không được ghi nhận là đất ở mặc dù nó là đất ở và gia đình vẫn sử dụng ổn định đến nay. Năm 2010 bà N1 tiến hành xây dựng nhà cấp 3 kết cấu 03 tầng theo Giấy phép xây dựng số 905/GPXD ngày 31/12/2009. Phần sân diện tích còn lại (không được công nhận đất ở) khoảng gần 60 m² hoàn thiện móng tường trụ cổng và lợp mái hoàn thiện để kinh doanh. Ngày 04/11/2010 bà N1 tặng cho toàn bộ nhà và đất cho ông V, việc tặng cho được công chứng chứng thực theo quy định.

Ngày 09/02/2023 ông V nhận được Quyết định 10568/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi đất (Quyết định

10568), Quyết định 10550/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (Quyết định 10550) và Thông báo số 04/TB-TTPTQĐ ngày 10/01/2023.

Ông V cho rằng các quyết định trên chưa đúng và thiếu căn cứ, cụ thể:

- Quyết định 10568 xác định diện tích đất thu hồi 19,3 m² có 13,9 m² đất trồng cây hàng năm khác và 5,4 m² đất lấn chiếm giao thông là không đúng vì phần đất này gia đình ông nhận chuyển nhượng trước đây là đất ở nằm trong hạn mức đất ở đô thị, mục đích sử dụng là đất ở ổn định từ năm 1981 đến nay và nguồn gốc tạo lập sử dụng và cấp giấy chứng nhận là có trước thời điểm có quyết định phê duyệt dự án. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận năm 2003, phần đất gia đình cũng chưa có thể hiện chỉ giới quy hoạch đường giao thông dự án. Đồng thời tại Tờ trình 1331/TTr-TNMT ngày 17/6/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B và Thông báo thu hồi đất số 427/TB-UBND ngày 29/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B đều xác định phần diện tích đất thu hồi 19,3m² của gia đình ông là loại đất ở đô thị (ODT). Cùng một ranh sử dụng đất như nhau thì bất động sản liền kề là nhà 188 đường H lại được công nhận phần đất phía trước giáp đường H là đất ở và nhà, đất này cũng mới chỉ được cấp giấy chứng nhận gần đây là năm 2014. Quyết định 10568 xác định trong 19,3 m² đất thu hồi có 5,4 m² đất lấn hành lang giao thông và không giải quyết bồi thường là hoàn toàn không có căn cứ.

- Quyết định 10550 xác định năm tạo lập tài sản, công trình trên đất của gia đình ông vào năm 2015 là chưa chính xác vì năm xây dựng phần công trình nhà này là năm 2013 và do vậy việc áp đơn giá tỷ lệ % bồi thường hỗ trợ đã không chính xác và ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình.

- Quyết định 10550 và bảng chiết tính đã tính thiếu 1 số hạng mục đã kiểm đếm gồm phần móng kê đường cao 3m, phần trần la phong, simili trải thảm nền.

- Quyết định 10550 áp giá làm căn cứ tính cũng bất nhất, cùng một loại cửa vật tư vật liệu kết cấu và có cùng thời điểm xây dựng, đầu tư trên đất như nhau nhưng có đến 02 đơn giá khác nhau, cụ thể: cùng là cửa sắt kéo Đài Loan các hộ khác thì được tính giá đơn giá 500.000đ/1m² trong khi ông V chỉ được tính 290.000đ/1m².

- Biên bản kiểm đếm ngày 05/10/2022 xác nhận diện tích căn nhà bị thu hồi là 2,44m x 7,91m nhưng khi tháo gỡ sẽ làm gãy toàn bộ kết cấu và phải bồi thường toàn bộ căn nhà là 5,4m x 7,91m nhưng bảng kê chi tiết ban hành kèm theo Quyết định 10550 lại chỉ bồi thường, hỗ trợ 01 phần diện tích căn nhà mà không bồi thường toàn bộ căn nhà.

- Quyết định 10550 xác định đơn giá đất ở bồi thường thấp và chưa đúng quy định, cụ thể: Quyết định trên căn cứ và viện vào các quyết định 8868/QĐ-UBND ngày 3/7/2020 và Quyết định 8880/QĐ-UB ngày 19/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B để xây dựng, tính và phê duyệt áp đơn giá bồi thường đất ở là sai quy định vì thẩm quyền này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định giá đất, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh tham mưu để Ủy ban nhân dân tỉnh

ban hành quyết định phê duyệt hệ số giá đất theo đơn giá thị trường theo thẩm quyền.

Do vậy, ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷ Quyết định số 10568, huỷ 01 phần Quyết định số 10550 và buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định với nội dung bồi thường loại đất và giá đất thu hồi là loại đất ở, bồi thường vật kiến trúc đã kiểm đếm trên đất và phải có chi phí hoàn thiện công trình còn lại sau khi bị thu hồi 1 phần đất và vật kiến trúc trên đất; phê duyệt lại đơn giá đất ở bồi thường theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người bị khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:**

- Về đất: Đất của ông Đặng Hoàng L1 sử dụng trước năm 1975, khoảng năm 1981 ông L1 chuyển nhượng thửa đất cho bà Nguyễn Thị N1. Ngày 10/9/2003 bà Nguyễn Thị N1 được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền ở hữu nhà và QSD đất số 4001070587 tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 8 với diện tích 83,6 m² đất ở tại đô thị. Ngày 02/11/2010 bà Nguyễn Thị N1 được UBND thành phố B cấp lại quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 8 với diện tích 83,6m² đất ở tại đô thị. Sau đó bà Nguyễn Thị N1 chuyển nhượng toàn bộ thửa đất trên cho ông Nguyễn V sử dụng (đã được Văn phòng chính lý biên động tại trang 4 của giấy CNQSD đất ngày 18/11/2010).

Diện tích đất đo đạc theo hiện trạng là 141 m², tăng hơn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 57,4 m² trong đó 52 m² đất thuộc quy hoạch đường được thể hiện trong giấy chứng nhận, ông V sử dụng ổn định không lấn chiếm; 5,4 m² đất lấn chiếm giao thông.

Diện tích thu hồi 19,3 m², trong đó 13,9 m² đất trồng cây hàng năm khác chưa được công nhận quyền sử dụng đất thuộc quy hoạch đường và 5,4 m² đất lấn chiếm giao thông.

- Về tài sản, vật kiến trúc: Hộ ông V xây dựng nhà trên phần đất nông nghiệp nên không có cơ sở hỗ trợ.

- Đơn giá bồi thường: Quyết định 10550 đã áp dụng theo Quyết định 22/2020/QĐ-UBND ngày 3/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk và Quyết định 8868/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND thành phố B để tính giá bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, UBND thành phố B đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B trình bày: UBND phường T, thành phố B giữ nguyên quan điểm theo Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 02/11/2022 giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B và UBND phường T và Biên bản làm việc ngày 27/10/2022 xác định năm xây dựng của hộ ông V.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 137/2023/HC-ST ngày 11/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định: căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Áp dụng Điều 66, Điều 69, Điều 89, Điều 92 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn V.

- Hủy một phần Quyết định 10550/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Đường đường H (đoạn từ N2 đến đường N3) thành phố B (Giai đoạn 1 - đợt 1).

- Buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất cho ông Nguyễn V, nội dung: bồi thường về đất đối với diện tích 5,4 m²; bồi thường căn nhà có diện tích xây dựng 5,4 m x 7,91 m; xác định lại năm xây dựng tài sản, vật kiến trúc trên đất và tính giá trị tài sản theo quy định pháp luật.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn V đối với Quyết định số 10568/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi đất của ông Nguyễn V để thực hiện dự án đường H (đoạn từ N2 đến đường N3) thành phố B (giai đoạn 1); buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải lập lại phương án bồi thường hỗ trợ, nội dung bồi thường về đất ở đối với 19,3 m², về xác định giá đất ở.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 20/9/2023, người khởi kiện ông Nguyễn V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm xác định diện tích đất thu hồi 19,3m² theo Quyết định số 10568/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B là đất ở mà không phải là đất trồng cây hàng năm khác.

- Ngày 25/9/2023, người bị kiện UBND thành phố B kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn V.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 20/9 và 25/9/2023, người khởi kiện ông Nguyễn V, người bị kiện UBND thành phố B kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của các đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật tố tụng hành chính, do đó được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà, những người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn V và kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của các đương sự:

[2.1]. Đối với kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn V:

Tại Quyết định 10550/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Đường đường H (đoạn từ N2 đến đường N3) thành phố B (Giai đoạn 1 - đợt 1), hộ ông Nguyễn V bị thu hồi 19,3m² trong đó có 13,9 m² đất trồng cây hàng năm khác chưa được công nhận quyền sử dụng đất thuộc quy hoạch đường và 5,4 m² đất lấn chiếm giao thông của ông Nguyễn V, thuộc một phần thửa đất số 59 mảnh trích đo địa chính số TD7-2020 (DC2, DC3) tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Xét thấy, diện tích 19,3m² là một phần trong diện tích đo đạc thực tế tăng thêm 57,4 m² theo hiện trạng 141 m² mà ông Nguyễn V đang sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng lại từ mẹ là bà Nguyễn Thị N1. Năm 1981, bà N1 nhận chuyển nhượng lại từ ông Đặng Hoàng L1. Ngày 10/9/2003, bà Nguyễn Thị N1 được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 4001070587 tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 8 với diện tích 83,6 m² đất ở tại đô thị. Ngày 02/11/2010, bà Nguyễn Thị N1 được UBND thành phố B cấp lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 8 với diện tích 83,6m² đất ở tại đô thị. Sau đó, bà Nguyễn Thị N1 chuyển nhượng toàn bộ thửa đất trên cho ông Nguyễn V sử dụng (đã được Văn phòng chính lý biến động tại trang 4 của giấy CNQSD đất ngày 18/11/2010). Tại thời điểm bà N1 được cấp Giấy chứng nhận năm 2003 và được cấp lại Giấy chứng nhận năm 2010, gia đình bà N1 không có ý kiến, khiếu nại gì đối với diện tích đất ở được cấp trong giấy chứng nhận quyền sở hữu. Sau khi tặng cho quyền sử dụng đất và nhà ở, gia đình ông V cũng không có ý kiến, khiếu nại gì về phần diện tích đất ở.

Toàn bộ diện tích 19,3m² đất bị thu hồi của hộ ông Nguyễn V thuộc đất quy hoạch giao thông, không thể chuyển đổi mục đích sử dụng đất ở nên Quyết định số 10550/QĐ-UBND và Quyết định số 10568/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thành phố B thu hồi và bồi thường về đất đối với diện tích 13,9m²

cho ông V với hiện trạng đất trồng cây lâu năm là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho hộ ông V. Phần diện tích 5,4 m² ông V khởi kiện có cùng nguồn gốc sử dụng với diện tích 13,9m² bị thu hồi nên cũng phải được bồi thường theo hiện trạng đất trồng cây lâu năm, không được bồi thường theo đất ở. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Nguyễn V về việc yêu cầu xác định diện tích bị thu hồi thuộc loại đất ở là có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn V.

[2.2.]. Xét kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B:

Người bị kiện kháng cáo đề nghị bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Nguyễn V, Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau:

[2.2.1]. Đối với diện tích 5,4 m² nằm trong diện tích 19,3m² bị thu hồi: như nhận định tại mục [2.1] nêu trên của bản án, diện tích đất 5,4 m² khi thu hồi UBND thành phố B xác định là đất do ông V lấn chiếm. Tuy nhiên, Mảnh trích đo địa chính số TD7-2020 (DC2, DC3) không thể hiện phần diện tích này lấn chiếm ở đâu; trong khi kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất thể hiện: chiều dài thửa đất thiếu so với Giấy chứng nhận được cấp (0,07m và 0,66m), còn cạnh giáp mặt đường H của thửa đất tăng 0,56m, cạnh phía sau tăng 0,31 m. Việc bà N1 và sau này là ông V sử dụng đất ổn định sau khi nhận chuyển nhượng, không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt về hành vi lấn chiếm đất đai nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc UBND thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất cho ông Nguyễn V đối với diện tích 5,4 m² là có căn cứ.

[2.2.2]. Đối với tài sản trên đất:

Theo Quyết định số 10550/QĐ-UBND ngày 27/12/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B chỉ xem xét bồi thường cho ông V chi phí hoàn thiện công trình còn lại sau khi bị thu hồi một phần đất và vật kiến trúc trên đất là 19,3m², trong đó không bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất đã xây dựng nhà từ năm 2015 diện tích 5,4 m² vì cho rằng ông Nguyễn V lấn chiếm hành lang giao thông. Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về xác định năm tạo lập tài sản: ông V có 02 đơn khởi kiện ghi cùng ngày 20/3/2023 thể hiện năm tạo lập tài sản khác nhau năm 2013 (BL: 01 a-c) và năm 2010 (BL: 01-02); tại Bản tự khai ngày 27/4/2023, ông V xác định năm tạo lập tài sản là năm 2013 sau khi được mẹ tặng cho đất và cung cấp hình ảnh để chứng minh. Trước đó, tại đơn kiến nghị ghi ngày 27/02/2023, ông V trình bày: *năm 2010 mẹ ông xây nhà cấp 3, phần sân 60 m² hoàn thiện móng tường trụ cổng, lợp mái 20m², năm 2013 ông hoàn thiện nhà cấp 4 để kinh doanh*; ngày 14/7/2023, ông V cung cấp tài liệu xác nhận lại thời điểm xây nhà ở trên đất là năm 2010 (BL: 75), có xác nhận của các hộ dân xung quanh, trong đó có nội dung: *Nhà ở do mẹ ông xây dựng năm 2010, bao gồm: Phần nhà cấp 3 có DT xây dựng 81,54m² (261,39m² sàn bê tông cốt thép), phần nhà cấp 4 phía trước hơn 55m² và cung cấp hợp đồng xây dựng để chứng minh.*

Việc UBND thành phố B chỉ căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 27/10/2022 của UBND phường T để xác định thời điểm xây dựng các tài sản trên đất vào năm 2015 mà không kèm theo chứng cứ, tài liệu thể hiện là không có cơ sở chấp nhận, gây thiệt hại đến quyền lợi của ông V; theo Danh sách kèm theo Biên bản làm việc ngày 27/10/2022 (bút lục 112-115) thì khi xây dựng các công trình xây dựng trên thửa đất 59, tờ bản đồ số 7, ông Nguyễn V không bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản hay bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xây dựng trái phép. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xác định ông Nguyễn V xây dựng công trình trước thời điểm 2015 là phù hợp, từ đó hủy một phần Quyết định 10550/QĐ-UBND ngày 27/12/2022, buộc UBND thành phố B xác định lại năm xây dựng tài sản, vật kiến trúc trên đất và tính giá trị tài sản theo quy định của pháp luật là có cơ sở.

- Về chi phí hoàn thiện công trình còn lại sau khi bị thu hồi một phần đất và vật kiến trúc trên đất: theo Biên bản kiểm kê ngày 05/10/2022 (bút lục 86-87) xác định: “*diện tích giải tỏa thực tế của căn nhà số 1 là diện tích bị thu hồi là (2,44m x 7,91m) nhưng khi tháo dỡ ảnh hưởng đến kết cấu không còn sử dụng được nên bồi thường toàn bộ căn nhà là 42,7m² (5,4m x 7,91m)*”. Tuy nhiên, Quyết định 10550/QĐ-UBND ngày 27/12/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B chỉ bồi thường một phần giá trị căn nhà có diện tích 19,3m² là không phù hợp nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất cho ông Nguyễn V với nội dung: bồi thường căn nhà có diện tích xây dựng 5,4m x 7,91m là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn V là có cơ sở. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn V và kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Nguyễn V, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

- Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn V;
- Bác kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 137/2023/HC-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 66, Điều 69, Điều 89, Điều 92 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn V.

- Hủy một phần Quyết định 10550/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Đường đường H (đoạn từ N2 đến đường N3) thành phố B (Giai đoạn 1 - đợt 1).

- Buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất cho ông Nguyễn V, nội dung: bồi thường về đất đối với diện tích 5,4m²; bồi thường căn nhà có diện tích xây dựng 5,4m x 7,91m; xác định lại năm xây dựng tài sản, vật kiến trúc trên đất và tính giá trị tài sản theo quy định pháp luật.

2.2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn V đối với Quyết định số 10568/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi đất của ông Nguyễn V để thực hiện dự án đường H (đoạn từ N2 đến đường N3) thành phố B (giai đoạn 1); buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải lập lại phương án bồi thường hỗ trợ, nội dung bồi thường về đất ở đối với 19,3 m², về xác định giá đất ở.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm:

- Ông Nguyễn V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004087 ngày 29/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Ông Nguyễn V đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

- Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0003371 ngày 09/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Ủy ban nhân dân thành phố B đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, được thi hành theo Bản án hành chính sơ thẩm số 137/2023/HC-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Đức Kiên